

## KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

### QUYỂN 4

#### Phẩm 2: SINH TỬ (Phần 2)

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Về thọ ẩm, Tỳ-kheo kia đã thấy biết lược qua giống như ở Lục dục thiên (*sáu cõi trời thuộc Dục giới*). Bây giờ làm sao đạt được Địa thứ năm?

Tỳ-kheo kia đã thấy rõ về thọ của Thiên chúng ở Lục dục thiên đã tạo nghiệp, nên quán về tướng của tướng ẩm. Vị ấy phân biệt suy nghĩ: “Làm sao trong địa này, ta cùng với tướng kia thực hành pháp thiện?” Chánh tư duy như vậy rồi thực hành trong phần đó, lại quan sát tướng bạch pháp của tướng, hành kia, pháp ban đầu như vậy nên biết rõ từng phần.

Thế nào là duyên với hữu kiến, hữu đối sinh ra tướng bất kiến, vô đối?

Tỳ-kheo kia lại quan sát rộng về tướng. Tướng ấy duyên hợp với mười một sắc trần. Đó là dài, ngắn, vuông, tròn, ba góc, một năm, vàng, đỏ, xanh, trắng, đỏ tía... dựa vào tướng dài mà khởi tướng dài. Cho nên kẻ ngu si thiếu trí trong thế gian bị sinh tử vô biên, quả nghiệp sinh trở lại bị các hoạn nạn về yêu, ghét, lạnh, nóng, đói, khát sai khiến giống như nô tỳ. Lại ăn nuốt lẫn nhau, tập hợp những việc hư vọng không thật, tất cả những việc không lợi ích, như thế có nhiều vô lượng không thể chịu nổi. Tất cả vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha việc làm do thân, khẩu, ý tạo ra nghiệp khổ não để trang sức thân. Kẻ phàm phu ngu si theo nẻo hư vọng đối trá luôn tạo ra như vậy.

Trong cõi người có các thứ khổ như canh tác... đối gạt lẫn nhau, đong cân không đều, tranh chấp kiện tụng, kinh doanh cầu lợi, hầu hạ, gần gũi vua... vào biển, đi xa, làm ruộng, chăn trâu, sinh nơi chốn hạ tiện, biên địa ưa thích tà kiến, các căn không đầy đủ, không được nghe chánh pháp, sinh vào chỗ không có Phật pháp, không có điều kiện tốt, nếu không bị các nạn như trên thì tâm thường ưa thích uống rượu, dâm dục, trộm cắp, tham dục, sân hận, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ. Những người như vậy là sinh tử mãi. Duyên vào tướng dài ấy mà khởi lên tướng dài.

Trong cõi trời, tướng sinh tử dài duyên vào tướng kia mà tướng. Như vậy, trong cõi trời cảnh giới không thể nắm bắt nhưng cảnh giới hỷ lạc với sắc, thanh, hương, vị tham dục, sân si, luôn phóng dật, huân tập gần gũi với người nữ trong vườn Hoan hỷ, trang sức đủ loại, treo vật báu nơi cung điện, rừng cây, ao sen rất đẹp, đùa giỡn, hoan lạc, lấy bột cây chiên-đàn, hoa mạn-đà-la để rải, âm thanh ca hát tất cả đều của hàng trời, khiến tâm hỷ lạc, xa lìa chánh pháp. Đó là sinh tử dài. Nếu sinh vào nơi cõi trời thì có những việc như vậy. Do duyên vào tướng dài ấy mà sinh tướng dài.

Trong loài ngạ quỷ, tướng sinh tử dài duyên vào tướng của nó mà tướng. Do tạo nghiệp ác nên loài ngạ quỷ bị đói khát, đau đớn, thân dầm mưa chịu nắng, cổ nhỏ như cây kim, hông cao như vách núi, giống cái ống bi. Do tâm ganh tỵ mà chúng dùng dao, kiếm... chém giết lẫn nhau. Ở trong chỗ tối tăm, rơi vào sườn núi nguy hiểm, chạy vội vàng đến sông ngòi, ao vũng, rồi bị đám Diêm-ma-la cầm dao gậy, hoặc những vật sắc

bén chặt, đánh, chém, bị khổ não cùng cực, ăn những thứ ối mửa của người, những thức ăn ghê tởm ấy nhiều vô lượng không thể chịu nổi. Còn những khổ như: nước mắt chảy ra, đầu tóc rối bù che cả thân mặt, có trăm ngàn con trùng bò đầy khắp thân, nơi thân mang tất cả thứ bệnh, sống dài trong sinh tử, thường bị quạ sắt dùng móng vuốt, mỏ nóng đỏ như lửa, cào mổ vào mắt, miệng. Ngạ quỷ như cây bị thiêu rụi, chúng ăn nuốt lẫn nhau, đi trong đồng trống ba trăm sáu mươi ức do-tuần nhưng không có chủ, không có người hướng dẫn, bị đói khát hành hạ, thân nó bị lửa đốt, vào trong chỗ tối tăm. Ngạ quỷ như vậy bị tà kiến đối gạt, không được nghe chánh pháp. Đó là sinh tử dài, duyên vào tướng kia mà tưởng.

Nơi loài súc sinh cũng ăn nuốt lẫn nhau, dâm dục không có luân lý, không biết ứng hợp. Nếu sinh trong nước thì đi trong nước, tâm nóng bức, luôn đói, thường sợ người khác bắt như rùa, ba ba, rái cá... Cá đề-di, đề-di-nghê-la có tên là cá ông, cá kim-tỳ-la, cá na-ca-la, gọi là cá đại khẩu, loài trùng, ốc, hến, con lớn luôn ăn con nhỏ, thường sợ bị lưới chài... ngăn chặn để bắt.

Đi trên đất là những loài hươu, nai, trâu, heo, voi, bò, ngựa, lừa, gấu bị trói buộc khổ não, bị dao nhọn đâm giết, bị bệnh già chết não hại lẫn nhau, có trăm ngàn thứ thống khổ.

Đi trên không là chim quạ, chồn bay, thiên nga, khổng tước, oanh vũ, bồ câu, gà, chim trĩ, tu hú, nhạn nước, chim xanh giữ đầm, chim quán, chim sẻ, đó là những loại được người nuôi, còn những loại chim khác bị giết, bị nhốt, đói khát ăn nuốt lẫn nhau, bị lạnh nóng bức bách khổ não, súc sinh các loại như vậy ở dưới nước, trên đất, trên hư không ba nơi đều sợ hãi. Đó là sinh tử dài duyên vào tướng kia mà tưởng.

Trong địa ngục, như địa ngục Hoạt, địa ngục Hắc thằng, địa ngục Chúng hợp, địa ngục Khiếu hoá, địa ngục Đại khiếu hoá, địa ngục Tiêu nhiệt, địa ngục A-tỳ là khổ não bậc nhất, có vô lượng trăm ngàn chẳng thể nghĩ bàn nỗi sợ hãi về đao, lửa... Rơi trong các sông ác, thân máu chảy lai láng, vào rừng đao kiếm, trong lửa dữ, chìm trong sông tro, đi trên đất lửa nóng, chịu khổ não vì lửa thiêu đốt, bị vô lượng loại khổ não, các thứ ác dữ bức bách không thể chịu nổi. Như vậy, địa ngục là sinh tử dài duyên vào tướng kia mà tưởng.

Tỳ-kheo kia vận dụng trí tuệ quán xét: Hữu kiến hữu đối duyên vào nhân duyên, nghiệp quả của sắc dài, duyên vào Tứ đế để quan sát các hoạt động của chúng sinh trong trăm ngàn do-tuần. Hành đạo như vậy, suy nghĩ theo từng phần, người ấy quan sát về nhân duyên, nhằm chán sinh tử.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Tỳ-kheo kia làm sao tư duy từng phần để quán về tướng ngắn?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Tỳ-kheo kia muốn chiến đấu với quân ma, làm sao tư duy từng phần để quán về tướng ngắn của sinh tử? Nghĩa là thọ giới hạnh đầu-đà, tinh tấn bố thí, giữ giới tu trí tuệ, cung kính bậc tôn trưởng, tâm ngay thẳng hoan hỷ, theo chánh kiến kính trọng cha mẹ, gặp Phật nghe pháp, cung kính cúng dường, không dua nịnh, không ngã mạn, không dối trá, gần gũi Thiện tri thức, giữ niềm tin theo chánh hạnh, hành động theo tâm ngay thẳng, thân, khẩu, ý thanh tịnh, người như thế thì sinh tử ngắn duyên vào tướng kia mà tưởng.

Nếu sinh trong cõi trời thì buồng lung nơi vườn Hoan hỷ, xe cộ gắn châu báu, rừng cây, ao sen, có chiêm-đàn quý giá, anh lạc thù thắng, đẹp đẽ đoan nghiêm, có cây kiếp-

ba. Trong rừng có suối chảy, vui chơi thọ lạc. Hoặc xả bỏ những thú vui ấy, thọ trì giới cấm, ăn uống du hành, tất cả thiên tư đọc tụng, vui gặp người thiện, chỉ dạy người khác đọc tụng, bố thí thuận hợp, tu hành Phạm hạnh, các căn tịch tĩnh, nói ít, thích nghe chánh pháp, ăn uống như pháp. Nếu cõi trời hành hóa như vậy là sinh tử ngắn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Vô số các khổ não  
Miệng đói khát, khô nóng  
Lửa thiêu đốt khắp thân  
Như lửa đốt cây khô.  
Khổ ấy nhiều vô lượng  
Căn tĩnh trong một niệm  
Tạm nương Phật, Pháp, Tăng  
Người đó sinh tử ngắn.*

Như vậy Tỳ-kheo duyên vào tướng mà tưởng.

*Thường lo sợ đánh đập  
Bị mưa và lạnh, nóng  
Và ăn nuốt lẫn nhau  
Những khổ não như thế.  
Không thể nào tính nổi  
Tâm tĩnh trong một niệm  
Tạm nương Phật, Pháp, Tăng  
Súc sinh sinh tử ngắn.*

Tỳ-kheo duyên vào tướng mà tưởng.

*Trong địa ngục Hắc thằng  
Hoạt, Hợp và Khiếu hoán  
Đại khiếu hoán, A-tỳ...  
Những khổ bức cùng cực.  
Không thể nào lường nổi  
Nếu ở trong một niệm  
Tâm tịch tĩnh giữ giới  
Địa ngục sinh tử ngắn.*

Như vậy là Tỳ-kheo duyên vào tướng mà tưởng.

Tỳ-kheo kia tư duy về tướng sinh tử ngắn như vậy:

Thế nào là bốn cạnh? Người kia quan sát đúng đắn về loài người ở châu Uất-đan-việt, đối với tất cả các vật đều không có tâm ngã sở, quyết định đi lên. Người ấy quán xét về sinh tử nơi bốn cạnh như vậy, Tỳ-kheo duyên vào tướng mà tưởng.

Thế nào là tròn? Trong ba đường dữ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh là sinh tử tròn. Vì chúng sinh vô trí nên luân chuyển, tâm không chủ động được. Đó là sinh tử tròn, Tỳ-kheo như vậy là duyên vào tướng ấy mà tưởng.

Thế nào là ba góc? Người hành các nghiệp lẫn lộn giữa thiện, bất thiện, vô ký nên sinh lẫn lộn vào các chỗ địa ngục, trời, người. Nghiệp bất thiện sinh trong địa ngục. Nghiệp thiện sinh vào cõi trời, nghiệp lẫn lộn sinh vào cõi người. Nếu tạo ba nghiệp thì sinh vào ba chỗ ấy. Như vậy gọi là sinh tử ba góc. Tỳ-kheo duyên vào tướng đó mà tưởng.

Thế nào là một nắm? Nghĩa là Tứ đại Thiên vương, trời Tam thập tam, trời Dạ-ma,

trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại tạo nghiệp tương tự. Nơi cõi trời mà thoái đọa thì sinh trong cõi trời, trong cõi người chết đi thì sinh trong cõi người, nơi không có tai nạn, đó là sinh tử một nắm. Tỳ-kheo duyên vào tướng ấy mà tưởng.

Thế nào là xanh? Nghĩa là thuộc về nghiệp bất thiện, người ở cõi địa ngục thì vào trong địa ngục tối tăm. Đó là sinh tử xanh, Tỳ-kheo duyên vào tướng đó mà tưởng.

Thế nào là vàng? Nghĩa là thuộc nghiệp màu vàng, sinh trong loài ngựa quý hung ác với nhau, hủy hoại lẫn nhau. Ngựa quý như thế là sinh tử vàng. Tỳ-kheo duyên vào tướng ấy mà tưởng.

Thế nào là đỏ? Nghĩa là thuộc về nghiệp đỏ, sinh trong loài súc sinh ăn nuốt lẫn nhau, ưa thích máu me. Đó là sinh tử đỏ, Tỳ-kheo duyên vào tướng đó mà tưởng.

Thế nào là trắng? Nghĩa là thuộc về nghiệp màu trắng sinh trong cõi trời. Nghiệp trắng của người kia do cái quý giá của nẻo thiện mà sinh vào hàng trời, người. Khi sắp thoái chuyển nơi cõi trời có các trời khác nói: “Đường lành của ông đi vào thế giới loài người”. Trong cõi người, lúc sắp chết, bà con, bạn bè, vợ con khóc lóc, nước mắt giàn giụa đầy mặt nói như vậy: “Thật đáng thương tiếc! Nay bỏ chúng tôi đi mong sinh vào chỗ tốt đẹp trong cõi người. Trời, người như thế là sinh tử trắng. Tỳ-kheo duyên vào tướng đó mà tưởng như vậy.

Tỳ-kheo kia tư duy như vậy: Được làm thân người, nếu không tạo điều lành, tu tập bố thí, trì giới, trí tuệ thì người ấy tự lừa gạt mình, lưu chuyển trong địa ngục, ngựa quý, súc sinh, đi nơi đồng trống vắng, kẻ phàm phu ngu si tụ tập đông đủ. Như vậy về nghiệp đạo, Tỳ-kheo kia quán xét kỹ nơi thọ, quan sát về tướng ấm dựa theo duyên mà hoạt động, thấy rõ, hiểu rõ nhân thức do nhân duyên với sắc, do ba sự hòa hợp sinh ra xúc. Cần phải quán tưởng nhiều, quán xét từng thứ sắc đẹp hay xấu, gần hay xa, dài hay ngắn, vuông hoặc tròn, trắng, ba góc, đó là hình tướng của sắc. Người kia lại quan sát riêng biệt nơi tướng của các tướng. Quán nhân duyên của tướng, quán ấm-giới-nhập, quán tướng của tướng nhân duyên, tuần tự quán xét từng cái riêng biệt. Nếu nghiệp báo ác thì phải hiểu rõ đúng đắn từng phần duyên tương ứng, biết được do tương ứng sau đó mới lìa bỏ. Nếu có lợi ích hoặc không lợi ích mỗi loại đều có tướng riêng biệt. Tưởng biết về quá khứ ở trong nghiệp này, ta được quả báo thiện lại bị quả báo ác như trước đã nói. Biết tướng như vậy: Nếu có tướng thì nó giống như nhớ nghĩ. Nhớ nghĩ duyên với tướng kia mà sinh. Như ánh sáng của đèn, nhờ đèn duyên với đèn, phối hợp với đèn mà có ánh sáng. Như vậy, nhân nơi tướng duyên với tướng, do sức mạnh của tướng mà có nghĩ nhớ. Tỳ-kheo kia đạt được Địa thứ năm.

Tỳ-kheo kia nhận biết xúc của tướng rồi, đối với các thú vui của cõi trời không sinh tâm tham đắm, đối với khổ trong địa ngục không lo sợ. Vị ấy có nhận thức bình đẳng. Tưởng thuần thực giống như vàng ròng. Tưởng của Tỳ-kheo kia đã phá tướng như vậy, lại quán xét tướng của pháp khác và giải thoát tướng kia. Lại quán tướng của người khác là hư vọng không thật. Ta nay quán xét: Do nhân gì? Do duyên gì? Do nhân duyên gì mà sinh ra tướng? Người kia quán xét tướng do các nhân duyên hòa hợp lại mà sinh ra. Nếu nhân diệt thì tướng kia cũng diệt. Giống như viên nguyệt châu. Viên nguyệt châu do duyên của nguyệt, duyên của châu mà làm cho nước trong. Tưởng cũng vậy, do nhân duyên mà sinh. Như vậy, tướng chẳng phải là không có nhân duyên, nên không có người tạo tác, không có người thọ, nó không tự nhiên sinh. Tỳ-kheo kia quán kỹ về tướng ấm. Vị ấy đã quán kỹ về tướng ấm rồi nên biết rõ sự sinh diệt.

Lại quan sát vi tế giống như nước của dòng sông luôn chảy. Tưởng cũng như vậy,

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

tưởng về thiện phát sinh thì do sức mạnh của nhân duyên khác chuyển làm bất thiện. Tưởng bất thiện sinh thì sức mạnh của nhân duyên còn lại chuyển làm tưởng thiện. Tâm kia như khí vượn. Đầu tiên phá vô ký thành ký. Người kia quán tưởng vui thì không sinh tham đắm vui. Trong cái vui vô lậu sinh tưởng vui, trong cái vui sinh tưởng khổ. Đó là biết vui. Như vậy làm sao thấy được ấm giới nhập thiện, hoặc sinh hoặc diệt? Không hỷ lạc thọ, không lạc thì tưởng diệt, không giữ lấy thì tưởng diệt, sau đó hành sinh, chẳng phải trụ chẳng phải diệt, tâm không mong cầu vì nhận thức rõ về sinh trụ diệt. Tỳ-kheo biết rõ ấm này cho nên không trụ vào cảnh giới của ma, không bị dục tham, sân, si trói buộc, không thấy có các thường, lạc, ngã, tịnh, vô minh không thể chi phối trong sinh tử, không bị thất niệm do sự trói buộc của lưới ái nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc. Người kia sinh nhớ nghĩ nên có thể diệt hết các lậu, đạt đến Niết-bàn. Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Bất cứ Tỳ-kheo nào  
Thân cận người biếng nhác  
Không siêng năng tinh tấn  
Thì chẳng phải Tỳ-kheo.  
Ai không thích giường chiếu  
Phật nói là Tỳ-kheo  
Ai ưa thích biếng trễ  
Không thích làm điều thiện.  
Một loại phiền não gốc  
Đó chính là biếng trễ  
Ai có một biếng nhác  
Người đó không đặc pháp.  
Chẳng phải mặc pháp phục  
Mà được gọi Tỳ-kheo  
Ai không thích tụng kinh  
Không thiền, lậu chưa diệt.  
Chỉ có tướng Tỳ-kheo  
Chẳng phải là Tỳ-kheo  
Chỉ thích dạo trong rừng  
Không ưa cảnh giới đạo.  
Ý tham vui rượu sắc  
Chẳng phải là Tỳ-kheo  
Ai cắt dây ma trói  
Đoạn trừ các nghiệp ác.  
Phật nói là Tỳ-kheo  
Không trộm thức ăn tăng  
Thà ăn loài rắn độc  
Và uống nước đồng sôi.  
Trọn không phá giới cấm  
Ăn uống vật của tăng  
Như vậy không nên làm  
Ăn vật không nên ăn.  
Ai ăn các phiền não*

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Thì đọa vào địa ngục  
Người xả bỏ phiền não  
Như ra khỏi hang rắn.  
Tỳ-kheo kia nên ăn  
Không thích nhìn người nữ  
Đem thân làm chất liệu  
Để thỏa mãn tâm ác.  
Làm như chớp Tăng bảo  
Sao gọi là Tỳ-kheo!  
Ai tham ái, lợi dưỡng  
Hy lặc nơi cảnh giới  
Thấy người nữ đắm nhiễm  
Không phải đạo người đời.  
Ai thiêu đốt phiền não  
Như lửa đốt núi rừng  
Là hàng phạm hạnh thiện  
Không tham đắm ăn uống.  
Ưa thích đến xóm làng  
Luôn luôn thích tắm rửa  
Ngu si dối mình, người  
Tất bị mất đạo pháp.  
Tâm tĩnh, chốn thanh vắng  
Thường luôn giữ tu thiền  
Thế gọi hàng phạm hạnh  
Vào cảnh giới đường thiện.  
A-lan-nhã chốn tĩnh  
Cùng người đó ở chung  
Người lìa dục đã trọn  
Không hy lặc các dục.  
Ai ưa thích nói nhiều  
Yêu thích các cảnh ác  
Không hướng thành Niết-bàn  
Chốn bất sinh, bất diệt.  
Gần vua ăn món ngon  
Uống rượu rồi khởi sân  
Chỉ có tên Tỳ-kheo  
Vọng ngữ dối tín thí.  
Dối trá nói đủ thứ  
Thường đến cửa triều đình  
Làm người khác đau khổ  
Hủy hoại chỗ thanh vắng.  
Nếu ai bỏ vợ con  
Ở rừng sâu tịch tĩnh  
Mà vẫn còn luyến nhớ  
Như nhỏ ra ăn lại.

Tỳ-kheo kia làm tịch tĩnh các thứ lỗi trên, quan sát về ám đúng như thật để thấy rõ, siêng năng tu giải thoát, luôn học hỏi các bậc tôn trưởng về đạo hay phi đạo. Vì thấy biết kỹ về tám Thánh đạo mà cầu đến thành giải thoát, siêng năng hành đạo, chánh kiến bình đẳng, tâm không bị cấu nhiễm, nên tâm người ấy tịch tĩnh. Đối với việc hành đạo người ấy ưa thích tu tập và tu nhiều.

Tỳ-kheo kia được pháp thiện nơi nghiệp đạo vô lậu như vậy, hòa hợp mà tu hành làm tổn giảm quân ma, tăng trưởng bạn chánh pháp. Dạ-xoa sống trên đất biết sự việc này nói với Dạ-xoa nơi hư không. Dạ-xoa nơi hư không tuần tự tâu với Tứ Đại vương, Tứ Đại vương lại tâu với Tứ Thiên vương cho đến trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, Đức Thế Tôn Di-lặc như đã nói ở trên.

Nơi cõi trời Đâu-suất-đà có một vị Bồ-tát hết sức hoan hỷ hưởng đến trời Hóa ứng nói như vậy:

–Trong cõi Diêm-phù-đề có thiện nam... đã cạo bỏ râu tóc, đắp pháp y, như trước đã nêu rõ.

Trời Hóa ứng trở nên vui mừng như trước đã nói.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Làm sao Tỳ-kheo kia đạt được Địa thứ năm?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Người ấy quán mười sắc nhập.

Mười sắc nhập là nhãn nhập, sắc nhập, nhĩ nhập, thanh nhập, tỷ nhập, hương nhập, thiệt nhập, vị nhập, thân nhập, xúc nhập.

Quán xét mười sắc nhập này như thế nào? Do nhân duyên của nhãn nhập, do nhân duyên của sắc nhập mà ta sinh tưởng ấy. Người kia quán như vậy: Do nhân duyên của nhãn, nhân duyên của sắc mà sinh ra nhãn thức. Do ba sự hòa hợp mà sinh xúc, xúc cùng với thọ tưởng tư cùng sinh.

Nếu Tỳ-kheo kia khi thọ biết thọ, khi tư biết tư, khi tưởng biết tưởng: như sắc này dài, sắc này ngắn, sắc này đáng ưa thích, sắc này không đáng ưa thích, sắc này đáng nhìn, sắc này không đáng nhìn, sắc này hữu đối, sắc này vô đối cho đến như vậy.

Ý ấy gọi là sắc, có mười một thứ, phân biệt như vậy: Do ba sự hòa hợp sinh xúc, xúc cùng với thọ tưởng tư cùng sinh. Biết nhãn xúc kia sinh ra thọ, tưởng, tư. Nghĩa đó như thế nào? Giác tri gọi là thọ, thọ biết về thời tiết, đó là nghĩa của tưởng gọi là ý chuyển. Như vậy các pháp sinh ra đều có mỗi tướng riêng biệt, có mỗi thể riêng biệt, nghĩa khác của nó là mười pháp đại địa. Như vậy dị tướng là tướng riêng biệt của mỗi pháp: Niệm, tuệ, giải thoát, thọ, tưởng, tư, xúc, nhằm đạt đến Tam-muội. Như thế một duyên dựa thì có tướng riêng biệt. Thế thì tướng của thọ, tướng của tưởng, có khác chứ không phải một. Ví như ánh sáng mặt trời, khi duyên với một thể khác thì thọ của tự thể có khác, tư của tự thể có khác. Biết rõ nhãn xúc sinh thọ, tưởng, tư rồi, người kia quan sát đúng đắn mắt là không, chẳng phải là vật, không bền vững. Tỳ-kheo như thế là nhận thức thật đúng về mắt, biết rõ về đạo, xa lìa tà kiến, chánh kiến được hiện tiền. Người kia xả cả sự ngu si, ô trược. Tưởng của mắt bất tịnh, tưởng không chân thật, quán kỹ về mắt này chỉ là cục thịt, do các vật bất tịnh là máu, mỡ, nước mắt, hợp lại mà có. Biết như vậy rồi, thì có thể đoạn trừ được dục. Người kia biết mắt này là vô thường nên thấy tất cả đều vô thường. Người kia biết mắt này chỉ là cục thịt dính trong xương mà thôi, nên tâm lìa được dục. Lại biết mắt này do các gân bao phủ. Biết nhãn nhập này tự, tha

trái nhau, tất cả đều không tương ứng, tất đều không bền vững, đều vô ngã.

Tóm lại, nhãn chỉ là vật gây đau khổ. Quán được như vậy thì lìa được dục thuộc nhãn nhập. Đã quán nhãn nhập và biết rõ như thế nào rồi tuân tự quán về sắc.

Về sắc thì có ưa thích và không ưa thích, là pháp vô ký vì phân biệt không đúng. Sắc này có gì là bền chắc, có gì là tịnh, có gì là thường? Có gì là ngã? Có gì là lạc? Quán sắc như vậy, tư duy rồi biết tất cả sắc đều không bền chắc, chỉ có phân biệt mà có sắc này ưa thích và không ưa thích. Ưa thích, không ưa thích ấy không có tự thể, chỉ do phân biệt thấu lấy chỗ yêu ghét của thế gian rồi nhớ nghĩ lại chỗ yêu ghét ấy. Tỳ-kheo kia đã quán sắc nhập của nhãn (*mắt*) rồi, lại quán tiếp về thanh nhập của nhĩ (*tai*).

Người kia quan sát thanh do đâu mà sinh? Căn trần đối nhau mà sinh ra thanh ấy. Người kia quán như vậy: Do nhân duyên của nhĩ và nhân duyên của niệm mà sinh ra nhĩ thức, do ba sự hòa hợp sinh xúc, xúc cùng với thọ, tưởng, tư cùng sinh. Biết được xúc này cùng sinh với thọ, tưởng, tư. Nếu biết xúc này cùng với tư sinh thì giác tri được tư tưởng. Đó là tướng dài. Do các nhân duyên như xa... khi nghe được âm thanh ấy thì làm tăng thêm nghiệp vi tế ưa thích hoặc không ưa thích. Tỳ-kheo kia biết về thanh như vậy, biết tư, biết tưởng và suy xét từng phần do ý thức mà biết được, do tư biết, do thọ biết, nhớ nghĩ tư duy. Thanh nhập của nhĩ kia do tư duy mà chọn lựa. Sau đó giác tri rằng thanh không có tự thể. Ưa thích hay không ưa thích là do phân biệt mà thanh này có. Như vậy thanh không có tự thể, không thường còn, không phải một vật, bị hủy hoại, không bền vững, không vui thích, không phải là ta và không phải là của ta, chỉ do âm thanh ưa thích hay không ưa thích của tham, sân, si. Quán xét đúng về thanh nhập của nhĩ như vậy rồi, thì khi nghe âm thanh không bị mê hoặc, không sinh hỷ lạc, không chấp giữ, không đắm nhiễm, không cho là lâu bền. Quán xét về thanh nhập của nhĩ như vậy rồi nên không ưa thích nhĩ thức, lìa bỏ dục của nhĩ thức. Nhĩ thức không phải ta, ta không phải nhĩ thức. Xúc, thọ, tưởng, tư cũng đều như vậy.

Tỳ-kheo kia lại quán hương nhập của tỷ (*mũi*). Do nhân duyên của tỷ, nhân duyên của hương, nhân duyên của niệm mà sinh ra tỷ thức hoặc gần hoặc xa, ưa thích hoặc không ưa thích, thơm hoặc hôi, do gió thổi hòa hợp lại, nhờ gió mà nghe mùi. Tỷ là nội nhập, hương là ngoại nhập, do ba sự hòa hợp mà sinh xúc, xúc cùng với thọ, tưởng, tư cùng sinh. Biết tướng của nó rồi, quan sát tướng của hương nhập nơi tỷ, biết tướng của nội xúc thì biết tướng của xúc, tướng của tư đều bình đẳng. Đối với pháp này duyên dựa vào một tướng nhờ vào nhân duyên khác. Khác đó nghĩa là mỗi pháp có mỗi tướng khác nhau, mỗi pháp có mỗi thể khác nhau. Tướng khác do như đã nói ở trong mười pháp đại địa. Như vậy tất cả các pháp đều có mỗi tướng riêng biệt, không phải là một tướng, một nhân duyên mà tạo ra được. Tỳ-kheo kia biết rõ về hương nhập của tỷ như vậy, biết rõ tìm hiểu kỹ thì vật này có gì lâu bền? Vật này có gì là thường còn? Có vật nào không bị hư hoại? Nhập này là vô thường, khổ, không, vô ngã. Người kia biết hương nhập của tỷ đều không phải là ta, không phải là của ta. Chánh tri như vậy: Do phân biệt mà có hương nhập của tỷ, nó là sợi dây trói buộc những chúng sinh ngu si, không phải là người có trí tuệ. Tỳ-kheo quán xét về một loại như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán vị nhập của thiệt (*lưỡi*). Do các duyên như niệm... mà sinh thiệt thức. Do ba sự hòa hợp sinh xúc, xúc cùng với thọ, tưởng, tư cùng sinh. Nó tùy thuận cảm giác gọi là tướng của thọ, tri là tướng của tưởng, đối là tướng của xúc, tướng là tướng của tư. Tướng lại duyên dựa với tướng, nhưng pháp đó mỗi mỗi đều có tướng riêng của nó, lại tướng bình đẳng chỉ do các nhân duyên khác nhau tạo thành, tất cả



nhân duyên ấy cộng lại thành một việc. Giống như có ống bễ, kềm, bột, nước, vò và người thợ vàng mà làm ra chiếc nhẫn hoặc chiếc xuyên. Như vậy pháp không do một tướng mà thành. Vị nhập của thiết này cũng như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quán kỹ về thiết nhập cùng với vị nhập. Quán như vậy rồi thì biết vị nhập của thiết kia không thiếu một pháp nào. Thường, lạc, ngã, tịnh, tất cả pháp đó, tư duy một cách vi tế thì không phải do một pháp, một tướng nào tương ứng cả. Nên người kia xa lìa nhiễm về thiết nhập, vị nhập. Còn tất cả chúng sinh đều chìm đắm trong biển ấy, biển vị hỷ lạc làm chướng ngại lẫn nhau, cho nên chúng sinh bị trói buộc trong biển lớn của năm đường thiên, nhân, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Tỳ-kheo kia đối với vị nhập của thiết mà lìa dục và được giải thoát. Thiết nhập không phải là ta, ta không phải thiết nhập. Nó là vô thường, chẳng phải là vật độc lập, cũng chẳng phải không động, chẳng phải là không bị hủy hoại, chẳng phải là vị nhập của thiết. Tỳ-kheo kia như thế là lìa được nhiễm dục.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quán xúc nhập của thân. Do nhân duyên thân, nhân duyên xúc mà sinh thân thức. Do sự hòa hợp mà sinh xúc, xúc cùng với thọ, tưởng, tư cùng sinh. Như trước đã nói về nhập của nhãn căn, thì xúc nhập của thân này cũng nên biết như vậy.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Tỳ-kheo kia đã quan sát về mười sắc nhập rồi, làm sao quán pháp nhập?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Thấy trong pháp nhập kia bao gồm ba loại pháp. Đó là diệt, do các duyên, diệt không do các duyên và pháp hư không. Vô vi pháp cũng thuộc vào pháp nhập. Quan sát như vậy thì pháp hư không kia cũng là pháp nhập.

Diệt do các duyên pháp này gọi là trí, vô lượng vô số pháp đều đã chứng đắc. Thuận hành với các duyên với sự chứng đắc đó để đoạn trừ các phiền não, làm cho phiền não kia diệt tận, đều bị hủy hoại. Tất cả pháp vô lậu chẳng phải là các duyên. Chúng không do các duyên nên gọi là trí, chứ chẳng phải thọ, chẳng phải tri, chẳng phải là giác, cũng chẳng phải là nghi. Thức của người khác có trong trăm ngàn đời, tất cả đều không có các thức của nhãn, nhĩ, tỷ, thiết, thân, ý, chúng đã bị hủy hoại rồi không còn sinh lại nữa. Như vậy gọi là diệt không do các duyên, không phải do các duyên ấy là hư không thứ ba. Biết ba pháp này không sinh là thường, chẳng phải thuộc về ba đời. Nó không phải là đang sinh, không phải là đã sinh và cũng chẳng phải là sắp sinh.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia đối với hai loại pháp nhập, phân biệt từng loại là sắc hay vô sắc. Sắc là mười sắc nhập.

Thế nào là nhãn thức phi kiến, phi đối, kiến, đối thấy sắc?

Như vậy, nhĩ thức, phi kiến, phi đối làm sao giữ lấy âm thanh?

Như vậy, tỷ thức, phi kiến, phi đối làm sao giữ lấy mùi hương?

Như vậy, thiết thức, phi kiến, phi đối làm sao giữ lấy mùi vị?

Như vậy, thân thức, phi kiến, phi đối làm sao giữ lấy sự tiếp xúc?

Năm nhập bên ngoài kia, năm nhập bên trong này, phi kiến, phi đối mà cùng với kiến, đối làm sao hợp nhau?

Tỳ-kheo kia quan sát như vậy: Khi nhãn thức sinh có hai loại duyên dựa ấy, cho đến ý thức đều có hai loại. Như vậy, thức sinh giống như con dấu in trên vật, vật không giống ấn. Ấn mềm mà vật cứng thì không thể in được. Ấn cứng vật mềm thì mới in ra

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

chữ. Như vậy, thức không có kiến, đối, nó duyên lấy kiến, đối của tất cả các pháp, nếu in lần thứ ba thì vật không giống nhau, hiện ra không giống nhau các pháp cũng vậy, các vật không giống nhau, sinh ra không giống nhau. Đạt đến chỗ thứ nhất, đạt đến chỗ thứ hai thì hai pháp này giống nhau, hiện sinh trở lại giống nhau. Nghĩa là chỉ trắng thì may thành áo trắng. Đạt đến chỗ thứ ba thì không tương ứng với hai loại đầu nên sinh không tương ứng. Giống như bó thuốc đang cháy, do lửa và cây mà tạo nên nhưng thấy chúng không tương ứng. Đạt đến chỗ thứ tư, thấy từ vật lỏng mà sinh vật đặc. Giống như sữa sinh ra sữa chua. Sữa thì lỏng mà sữa chua lại đặc. Pháp kia như vậy là không tương ứng. Như vậy như vậy, pháp không tương tự tức như nhãn thức... các thức do nhân riêng, duyên riêng mà sinh ra nhãn thức...

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Ai thích giác tri pháp  
Mà hành thiền trong rừng  
Chánh giác biết rõ tướng  
Đạt đến chốn Vô thượng.  
Thường thích hành từ bi  
Siêng năng nơi cõi pháp  
Biết rõ tướng của thân  
Gọi là chân Tỳ-kheo.  
Ai chánh ý quan sát  
Không bị dục, sân phá  
Người đó là Tỳ-kheo  
Ngược lại thì không phải.  
Ai thương xót chúng sinh  
Xả bỏ những tham luyến  
Gỡ bỏ các dây trói  
Gọi là chân Tỳ-kheo.  
Ai điều phục được tâm  
Cảnh giới không hủy hoại  
Tinh khiết như vàng ròng  
Là Tỳ-kheo biết đủ.  
Ai với yêu hay ghét  
Không làm bản tâm ý  
Nên biết làm thiện kia  
Xả ly tất cả lỗi.  
Oai nghi không bị chê  
Theo pháp điều phục căn  
Ý dũng mãnh thanh tịnh  
Như thế là Tỳ-kheo.  
Ai luôn luôn hỷ lạc  
Biết nghĩa trong kinh luận  
Không đắm nhiễm ăn uống  
Là Tỳ-kheo tịch tĩnh.  
Sống trong rừng thanh vắng  
Gò má, cỏ làm tòa*

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Cho đó là an vui  
Như vậy là Tỳ-kheo.  
Biết rõ lỗi nghiệp tội  
Đạt thấu các quả nghiệp  
Biết rõ nhân và duyên  
Là Tỳ-kheo lia ác.  
Phá đồng trống sinh tử  
Diệt ác, điều phục căn  
Gần gũi bạn tri thức  
Là Tỳ-kheo tịch tĩn.  
Được khen, lòng không mừng  
Bị chê, tâm không buồn  
Sâu xa như biển cả  
Là Tỳ-kheo tu hành.  
Ý vững, giấu lỗi người  
Không ưa lời trau chuốt  
Nói năng khéo cung kính  
Là Tỳ-kheo tịch tĩn.  
Biết nhân nghiệp Dục giới  
Lại biết nhân sắc giới  
Biết cả nhân vô sắc  
Là Tỳ-kheo thông luận.  
Không thích lời thế tục  
Thích đoạn trừ các lỗi  
Thấy cảnh giới như độc  
Phật nói là Tỳ-kheo.  
Coi dục như bùn nơ  
Làm theo như ý nghĩ  
Người trí mở tâm ý  
Thoát khỏi dây sinh tử.  
Ai lo chuyên thiền tụng  
Xa lìa ma biểnng trẽ  
Làm lợi cho chúng sinh  
Là Tỳ-kheo vắng lặng.  
Ai trả lời vấn nạn  
Biện tài, điều phục căn  
Biết đó là Pháp sư  
Nếu không như cây cỏ.  
Ai thân hành, ý hành  
Tất cả không mỗi mệ  
Công việc của chúng Tăng  
Có thể làm hết thảy.  
Mà không cầu của cải  
Không ham giàu, ham danh  
Chỉ làm lợi ý tăng

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Giải thoát các trói buộc.  
Trì giới không mong Thiên  
Cũng không cầu danh lợi  
Trì giới vì Niết-bàn  
Là Tỳ-kheo tịch tĩnh.  
Nên xa lìa các ác  
Chỉ thích làm điều lành  
Không gần gũi bạn ác  
Là Tỳ-kheo Phật pháp.  
Lấy từ để tu tâm  
Ý cung kính chân thật  
Học giới không khiếm khuyết  
Cách Niết-bàn không xa.  
Thường sợ già bệnh chết  
Không ham vui thế gian  
Tu thiền không phóng dật  
Cách Niết-bàn không xa.  
Người nào biết vô thường  
Mình người đều vô ngã  
Tu thiền, trí thượng, thượng  
Cách Niết-bàn không xa.*

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Tỳ-kheo kia đạt được Địa thứ năm rồi và làm sao để chứng đắc Địa thứ sáu?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Thấy Tỳ-kheo kia hiểu rõ về chỗ đạt đến thứ tư.

Pháp này vì sao có nhân tương tự được quả tương tự? Không có nhân tương tự thì không có quả tương tự? Nhân không tương tự thì quả không tương tự, có nửa tương tự và nửa không tương tự?

Thế nào là có nhân tương tự được quả tương tự? Ví như nhân lúa lại sinh ra lúa. Như vậy, nội tương tự thì nghiệp thiện tương tự. Được quả ấy thì ở trong hàng trời, người là đạt đến chỗ đầu tiên.

Thế nào là không có nhân tương tự thì không có quả tương tự? Ví như sữa ngọt sinh ra sữa chua, không thể ưa thích. Như vậy, nội không tương tự, nghĩa là do ái nhiễm vào sắc, thanh, hương, vị, xúc... ở nơi đời này mà đưa đến cái quả không ưa thích ở địa ngục. Quả không đáng ưa thích giống như sữa chua. Đây là đạt đến chỗ thứ hai.

Thế nào là nhân không tương tự, quả không tương tự? Giống như màu xanh hợp với màu khác thì màu ấy không tương tự. Như vậy, nội không tương tự nghĩa là quả báo, nghiệp đều không giống nhau, chẳng phải nghiệp quả của nó, đó là tà kiến, trai pháp của ngoại đạo giết dê để trông mong sinh lên cõi trời, nên bị đọa vào địa ngục. Đây là đạt đến chỗ thứ ba.

Thế nào là nửa tương tự và nửa không tương tự? Giống như chỉ trắng thì may thành áo màu trắng. Chỉ nhỏ áo thô là không tương tự. Như vậy, nội nửa tương tự nửa không tương tự. Nghiệp bất thiện tế mà mắc quả báo bất thiện thô trong đại địa ngục. Đây là đạt đến chỗ thứ tư.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia trong tâm tư duy rồi, không giữ lấy nghiệp quả, lại tư duy tiếp và quán nghiệp quả khác hoạt động, trong đó như bánh xe quay tròn. Có bốn chỗ đạt đến:

Có nghiệp chưa đến, mọi người cùng tạo mới có thể gây bức não. Đây là đạt đến chỗ thứ nhất.

Có nghiệp đến rồi mới có thể gây bức não. Đây là đạt đến chỗ thứ hai.

Có nghiệp đến hoặc chưa đến đều có thể gây bức não. Đây là đạt đến chỗ thứ ba.

Có nghiệp chẳng phải là đến, cũng chẳng phải là chưa đến. Đây là đạt đến chỗ thứ tư.

Có nghiệp chưa đến, mọi người cùng tạo mới có thể gây bức não. Như pháp thế gian: Sao tuy chưa hiện ra mà đất nước bị tai ương. Pháp xuất thế gian: như nhãn thức chưa đến mà biến nghiệp có thể gây bức não. Đó là những bức não của tâm dục, ưu bi. Đây là đạt đến chỗ đầu tiên.

Có nghiệp đến rồi mới có thể gây bức não, giống như pháp thế gian: Lửa đến mới đốt, dao đến mới cắt. Như pháp xuất thế gian: Nghiệp bất thiện đến, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh gây bức não. Đây là đạt đến chỗ thứ hai.

Có nghiệp đến hoặc chưa đến đều có thể gây bức não. Như pháp thế gian: Thế lực của chú độc hại đến hoặc chưa đến đều có thể gây bức não. Như pháp xuất thế gian: Khi người sắp chết có tướng trông mong đến địa ngục. Đây là đạt đến chỗ thứ ba.

Có nghiệp chẳng phải là đến hoặc chẳng phải là chưa đến. Giống như những cây thuốc trong thế gian, chẳng phải là có sức sinh, chẳng phải là chưa có sức sinh. Còn xuất thế gian cũng lại như vậy. Tỳ-kheo La-hán quyết định thọ nghiệp, lượng như Tu-di. Vị A-la-hán kia nhập Niết-bàn hoặc chưa nhập Niết-bàn, nghiệp ấy cũng không thể gây bức não vị La-hán. Đây là đạt đến chỗ thứ tư.

Có nghiệp thọ đời hiện tại mà không thọ đời vị lai. Đây là đạt đến chỗ đầu tiên.

Có nghiệp thọ đời sau mà không thọ đời hiện tại. Đây là đạt đến chỗ thứ hai.

Có nghiệp thọ đời sau cũng thọ đời hiện tại. Đây là đạt đến chỗ thứ ba.

Có nghiệp không thọ đời hiện tại, cũng không thọ đời sau. Đây là đạt đến chỗ thứ tư.

Nghiệp nào thọ đời hiện tại mà không thọ đời vị lai? Như ở thế gian: Phạm pháp vua bị luật pháp của vua trị phạt. Nghiệp này thọ đời hiện tại mà không thọ đời vị lai. Như xuất thế gian: Tu hành bố thí được người thiện tán thán. Nghiệp này thọ đời hiện tại mà không thọ đời vị lai. Đây là đạt đến chỗ thứ nhất.

Nghiệp nào thọ đời vị lai và không thọ đời hiện tại? Như thế gian: Vào lửa được sinh Thiên. Như xuất thế gian: Đời này hành thiện hoặc hành bất thiện thì đời khác bị quả báo. Điều này có thể thấy ở đời hiện tại. Đây là đạt đến chỗ thứ hai.

Nghiệp nào thọ đời hiện tại cũng thọ đời vị lai? Như ở thế gian: Thọ đời hiện tại mà đời sau cũng thọ. Xuất thế gian cũng vậy. Đây là đạt đến chỗ thứ ba.

Nghiệp nào không thọ đời hiện tại cũng không thọ đời vị lai? Như thế gian: Không nói trì giới, không nói bố thí. Xuất thế gian: Nghĩa là nghiệp vô ký chẳng phải thọ đời hiện tại, không thọ đời vị lai. Đây là đạt đến chỗ thứ tư.

Tỳ-kheo kia ngồi nơi am tranh mà quán như vậy: Có vô lượng mạng lưới của nghiệp, quả báo trùm khắp trong các cõi: Trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Thấy, biết như vậy rồi tùy thuận theo pháp mà thực hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt

động của các pháp.

Làm sao Tỳ-kheo kia biết được quả báo của nghiệp?

Nghĩa là biết nghiệp như vậy thì biết quả của nghiệp như vậy. Biết thiện, bất thiện, biết chúng sinh này đã tạo tác hạnh ác về thân, tạo tác hạnh ác về khẩu, tạo tác hạnh ác về ý, hủy báng bậc Hiền thánh, đó thuộc về tà kiến. Người kia vì nhân duyên của nghiệp mà khi qua đời bị đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu có chúng sinh nào thành tựu hạnh thiện về thân, thành tựu hạnh thiện về khẩu, thành tựu hạnh thiện về ý, ca ngợi bậc Hiền thánh, đó thuộc về chánh kiến. Người kia do nhân duyên của nghiệp mà sau khi qua đời được sinh vào đường lành nơi cõi trời.

Tỳ-kheo kia quan sát như vậy: Tất cả đều từ pháp nghiệp báo. Tỳ-kheo kia quan sát rồi không cùng hoạt động chung với chúng sinh nơi ma giới, cuối cùng đạt đến Niết-bàn.

Như vậy, hành theo pháp là tu hạnh xa lìa nhàm chán, siêng năng hành nẻo thiện, cuối cùng chấm dứt sinh tử, cứu giúp người khác khiến họ vượt qua sinh tử. Tự độ rồi độ người khác. Tỳ-kheo biết pháp của nghiệp báo, quan sát các pháp của các nẻo nghiệp báo nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người. Giống như viên ngọc Tỳ-lưu-ly thanh tịnh, vì trang sức mà lấy dây xỏ xuyên qua tùy theo màu sắc nơi sợi dây xanh, vàng, đỏ, trắng, tím... thì thấy màu sắc của nó hiện lên. Như vậy, viên ngọc nghiệp bị dây quả báo xâu vào. Tỳ-kheo kia thấy, nghe, biết hoặc thấy bằng Thiên nhãn một cách thanh tịnh, sáng suốt.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia thấy hoặc nghe biết về pháp nghiệp báo giống như viên ngọc kia. Ví như có một viên ngọc báu màu trắng tinh khiết, thanh tịnh không có tỳ vết. Dùng vật thanh tịnh xâu vào mài giữa khéo léo, hoàn toàn là thù thắng, được tất cả người đời khen ngợi. Vua và các vương hầu sử dụng. Công đức của viên ngọc thanh tịnh đó chỉ có vua, các vương hầu mới biết giá trị của nó, dùng nó làm những vật trang sức. Như vậy, Tỳ-kheo kia có mười nghiệp đạo thiện là viên ngọc báu trong lành, hoàn toàn tinh khiết thanh tịnh, lìa bỏ những cấu bẩn, không còn tỳ vết, dùng vật thanh tịnh xâu vào có pháp đối trị, có uy lực lớn để trả lời các vấn nạn về pháp, đó chính là Pháp sư, lấy dùi pháp xuyên vào mài giữa khéo léo. Như vậy nguyện bố thí, trì giới, tu trí tuệ, tu sửa viên ngọc mười nghiệp đạo thiện rồi, thì theo sở nguyện làm Chuyển luân thánh vương, hoặc làm Thiên vương, Ma vương, Phạm thiên, tu thiền vô lậu đạt được Tam-muội tự tại. Người kia khéo léo tu sửa viên ngọc chánh pháp gọi là phổ môn. Phổ môn này gọi là cửa trời, người. Viên ngọc chánh pháp kia gọi là phổ môn, ra khỏi thành thế gian rồi nhập vào cửa Niết-bàn, được tất cả thế gian ca ngợi, được người chánh kiến, học nhân ca ngợi. Vua và các vương hầu sử dụng, vào chánh pháp chánh ứng với đạo tâm. Nếu mọi người tin viên ngọc Tỳ-lưu-ly kia có đầy đủ công đức thì ngọc báu ấy tương tự giống với viên ngọc chánh pháp.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quan sát về pháp nghiệp báo giống như viên ngọc kia. Ví như có viên ngọc, viên ngọc ấy có tỳ vết, không thanh tịnh hoàn toàn, không tinh khiết hoàn toàn, không thể lấy dùi xuyên qua, không thể mài giữa, mọi người thấy nó không khen ngợi, chẳng phải vật được vua sử dụng. Tám đạo hạnh chánh pháp Phú-ca-la là vua của tâm. Viên ngọc ngoại đạo kia không ứng hợp với tám Thánh đạo. Các pháp ấy tương đối giống nhau, viên ngọc phi pháp có tỳ vết nếu cột vào cổ người, viên ngọc tương tự kia vì cột vào cổ người nên từ vô thủy đến nay chúng sinh luân chuyển theo sinh tử mãi trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tỳ-kheo kia quan sát viên ngọc giống với viên ngọc. Ví như thế gian có viên ngọc lưu ly giống với viên ngọc Tỳ-lưu-ly, có người trông thấy nói đó là viên ngọc Tỳ-lưu-ly. Kẻ phàm phu ngu si cũng như vậy.

Tỳ-kheo kia biết rõ về pháp và phi pháp rồi, đạt được Địa thứ bảy. Dạ-xoa sống trên đất thấy Tỳ-kheo kia trì giới thanh tịnh đạt được Địa thứ bảy, sinh tâm vui mừng, nói với Dạ-xoa nơi hư không. Dạ-xoa nơi hư không tâu với Tứ Đại vương, Tứ Đại vương tâu với Tứ Thiên vương, Tứ Thiên vương tâu lại trời Tam thập tam, trời Tam thập tam nói với vua Đế Thích, vua Đế Thích tâu tự nói với trời Diêm-ma, trời Diêm-ma nói với Thiên chủ Đâu-suất-đà, Thiên chủ Đâu-suất-đà thưa đầy đủ với Thế Tôn Di-lặc, Thế Tôn Di-lặc nói với trời Hóa ứng, trời Hóa ứng nói với trời Tha hóa tự tại:

–Trong cõi Diêm-phù-đề có thiện nam... tâu tự như trước đã nêu rõ.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Tỳ-kheo quan sát về pháp nghiệp báo như thế nào?

Pháp thứ mười một gọi là vô tác, thuộc về sắc, trong tất cả các pháp nó tương ứng với sắc. Nếu người nào thọ giới, khi trao giới mà buồn ngủ, hoặc xỉu, hoặc thất niệm, cuồng loạn nhưng các pháp thiện đó vẫn chuyển hành liên tục, giống như dòng sông chảy liên tục không gián đoạn. Người kia cũng vậy, buồn ngủ, xỉu, thất niệm, cuồng loạn như thế mà vô tác vẫn hoạt động không gián đoạn. Vô tác là sắc nhưng không thể kiến và đối, thế thì tại sao thuộc về của nghiệp sắc. Sắc vô tác này chính là cây trụ của tất cả pháp thiện. Đây là sắc thứ mười một.

